TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/DS-PT
Ngày: 25-8-2021
V/v *Tranh chấp kiện đòi tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021 về việc *"Tranh chấp kiện đòi tài sản*".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2021QĐ-PT ngày 06/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn 3, xã M, huyện ĐH, tỉnh LĐ.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn 6, xã M, huyện ĐH, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn 3, xã M, huyện ĐH, tỉnh LĐ.

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Th1 - Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 01 năm 2021, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Phạm Đức T trình bày như sau:

Do có quan hệ quen biết là họ hàng với nhau nên ngày 04-10-2011 *(âm lịch)* ông T có cho bà Phạm Thị Th1 là người chị họ mượn số tiền là 30.000.000 đồng vì là chị em trong họ hàng nên khi *"cho mượn"* tiền bà Th1 có nói thời gian mượn tiền là 01 đến 02 tháng sẽ hoàn trả. Do có sự tin tưởng lẫn nhau nên ông T, bà Th1 không lập hợp đồng mượn tiền hoặc lập văn bản ghi nhận việc mượn tiền; giấy biên nhận giao nhận tiền.

Khi đến hạn trả nợ ông T yêu cầu bà Th1 trả nợ nhiều lần nhưng đến nay bà Th1 vẫn chưa trả nợ. Năm 2013 giữa ông T và bà Th1 có xô xát với nhau nơi công cộng sau đó bị Công an xã Mađaguôi mời ông T, bà Th1 về trụ sở làm việc và tại Ủy ban nhân dân xã M ông T có đòi nợ thì bà Th1 có thừa nhận là có mượn tiền của ông T, sự việc này ông T đã dùng điện thoại của mình để ghi âm lại đoạn đối thoại này để làm chứng cứ về việc bà Th1 mượn tiền của ông T.

Ông T cho rằng tài sản của ông bị bà Th1 chiếm giữ nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th1 có trách nhiệm *"trả số tiền mượn"* là 30.000.000 đồng, không yêu cầu bà Th1 trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Th1 trình bày như sau:

Giữa bà Th1 và ông T có quan hệ quen biết là họ hàng với nhau *(bà Th1 là con bác, ông T là con chú)* tháng 10 năm 2011 do cần tiền để trả nợ tiền mua cám nuôi heo nên bà Th1 *"có mượn"* của ông T số tiền là 30.000.000 đồng nhưng sau đó đã trả nợ cho ông T. Tuy nhiên, do là người trong họ hàng với nhau nên khi vay mượn tiền cũng như khi trả nợ thì giữa bà Th1 và ông T không lập hợp đồng mượn tiền, giấy biên nhận trả tiền. Bà Th1 xác định có mượn nhưng đã trả xong nợ cho ông T và hiện nay giữa bà và ông T không nợ nần gì nhau. Do vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th2 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về khoản tiền cho bà Th1 mượn, xác định khoản tiền 30.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị bà Th1 có trách nhiệm trả nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 01/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai đã xử.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức T đối với bị đơn bà Phạm Thị Th1 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản".*

2. Buộc bà Phạm Thị Th1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Đức T, bà Nguyễn Thị Th2 số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 08/6/2021 bà Th1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa hôm nay; Bà Th1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho ông T số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu áp dụng thời hiệu. Ông T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Th1 đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Th1 thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Th1:

[2.1] Bà Phạm Thị Th1 đề nghị áp dụng Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng; Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung: Bà Th1 không đồng ý trả 30.000.000 đồng và cho rằng khoản nợ này bà đã trả cho ông T thông qua việc xuất bán heo thì thấy rằng:

Ông T khởi kiện yêu cầu bà Th1 trả khoản tiền nợ 30.000.000 đồng. Bị đơn bà Th1 thừa nhận vào ngày 04 tháng 10 năm 2011 "*có mượn"* của ông T số tiền 30.000.000 đồng để trả nợ tiền mua cám heo, sau đó bà Th1 đã xuất heo cấn trừ

vào tiền nợ đã trả nhưng bà Th1 không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc đã trả nợ cho ông T. Mặt khác, lời trình bày của bà Th1 bất nhất (*có lúc bà Th1 khai không có nợ gì của ông T; có lúc khai có nợ nhưng đã trả xong nợ....).* Sau khi xét xử sơ thẩm bà Th1 xuất trình chứng cứ là bản photo "*Tiền bán heo (2011)*" (*BL số 95*) và tại đơn đề nghị đề ngày 12/6/2021 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bà Th1 cho rằng ông T đã nhận tiền bán heo và cấn trừ vào nợ. Tuy nhiên, ông T cho rằng ông có nhận số tiền 30.000.000 đồng bán heo dùm cho bà Th1 nhưng sau đó ông đã đưa lại cho chị gái bà Th1. Đồng thời, ông T xuất trình cho Toà án 01 USB ghi âm đoạn đối thoại giữa ông T và bà Th1 làm việc tại Uỷ ban nhân dân xã M về việc ông T đòi nợ. Nội dung đoạn ghi âm thể hiện bà Th1 có vay của ông T 30.000.000 đồng nhưng khi nào có thì bà sẽ trả và bà Th1 cũng đã thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là giọng nói của bà được ghi âm vào năm 2013. Như vậy, việc bà Th1 cho rằng ông T lấy tiền heo vào năm 2011 và đã cấn trừ nợ xong nhưng đến năm 2013 bà Th1 còn thừa nhận có nợ ông T và khi nào có tiền thì bà mới trả là không hợp lý.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá, toàn diện khách quan đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Th1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Th1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức T đối với bị đơn bà Phạm Thị Th1 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản".*

2. Buộc bà Phạm Thị Th1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Đức T, bà Nguyễn Thị Th2 số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Th1 phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0018352 ngày 10/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Bà Th1 còn phải nộp số tiền 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm ngàn đồng)* án phí.

Hoàn trả cho ông Phạm Đức T số tiền 750.000 đồng *(bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0018275 ngày 25/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LĐ (01);
- TAND H.Đạ Huoai (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Vân